

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP

Ngày 30/06/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.0%	-	-

DT thuần Q2/25
1,355
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 159 13.3%
YoY: ▼489 -26.5%

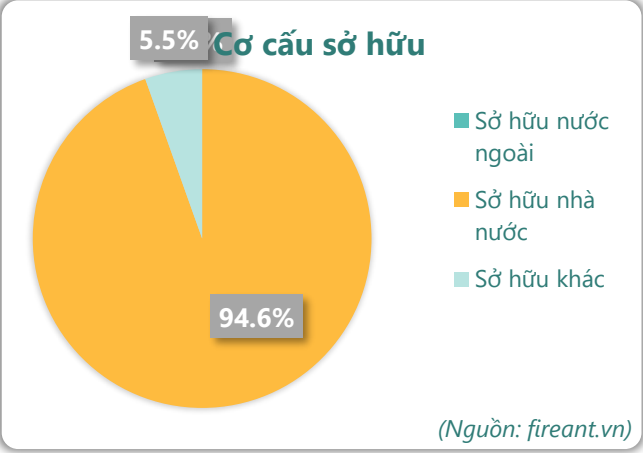
LN thuần Q2/25
0.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.6 107%
YoY: ▲ 19.3 105%

LN sau thuế Q2/25
1.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.8 110%
YoY: ▲ 19.6 107%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.1%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM) Q2/25
-4.5%
YoY: +/-▲ 2.9%

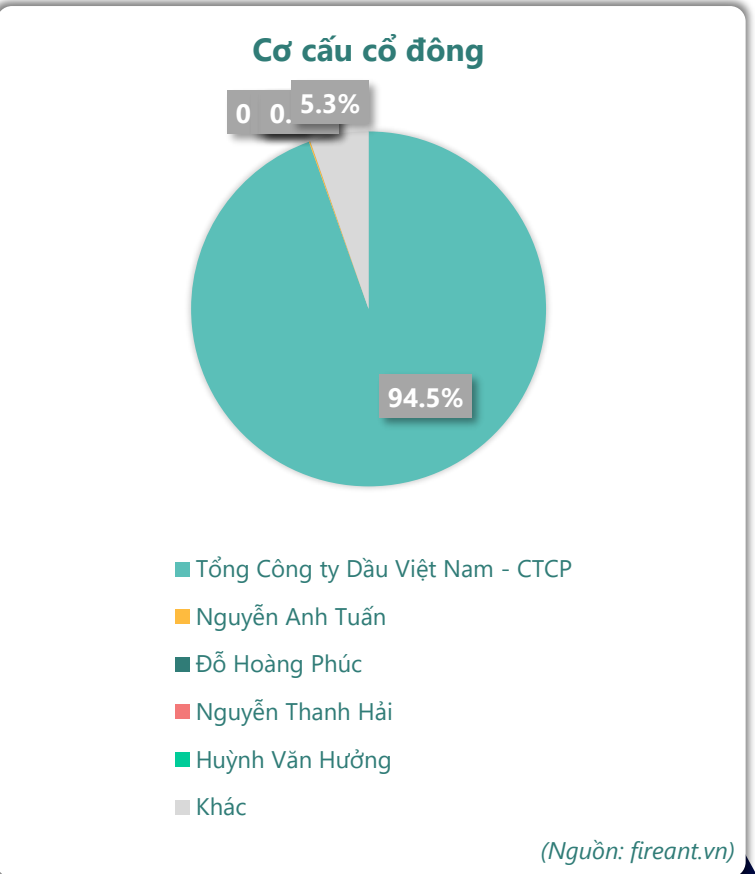
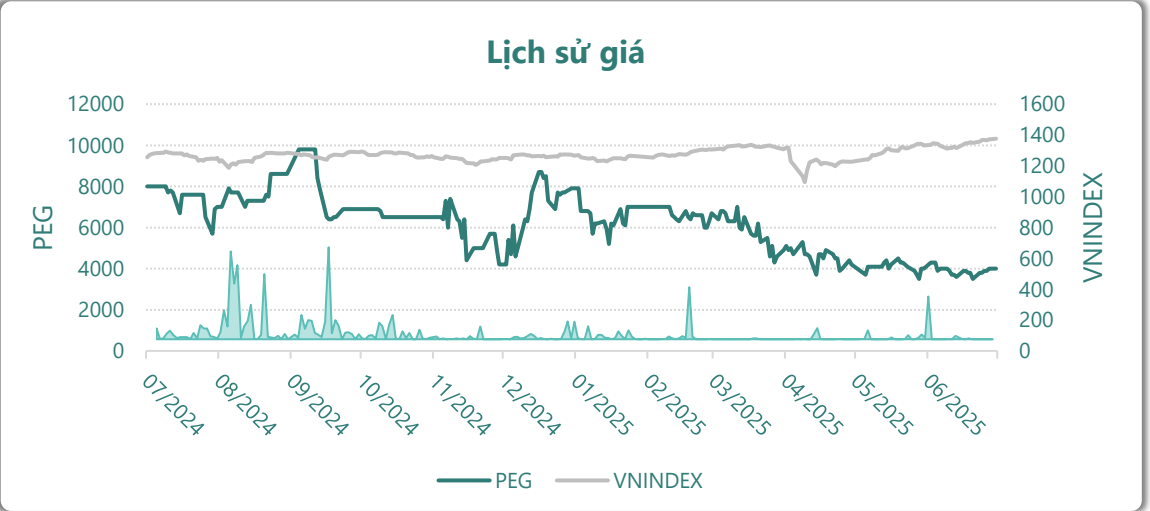
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 9,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	996
Số lượng CPLH (CP)	248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.45)
EPS	-117
P/E	-34.1



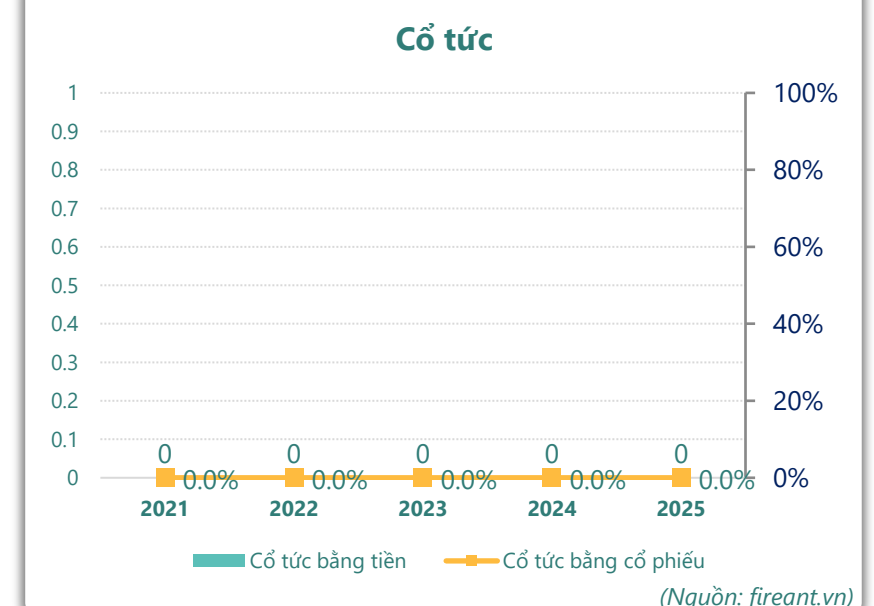
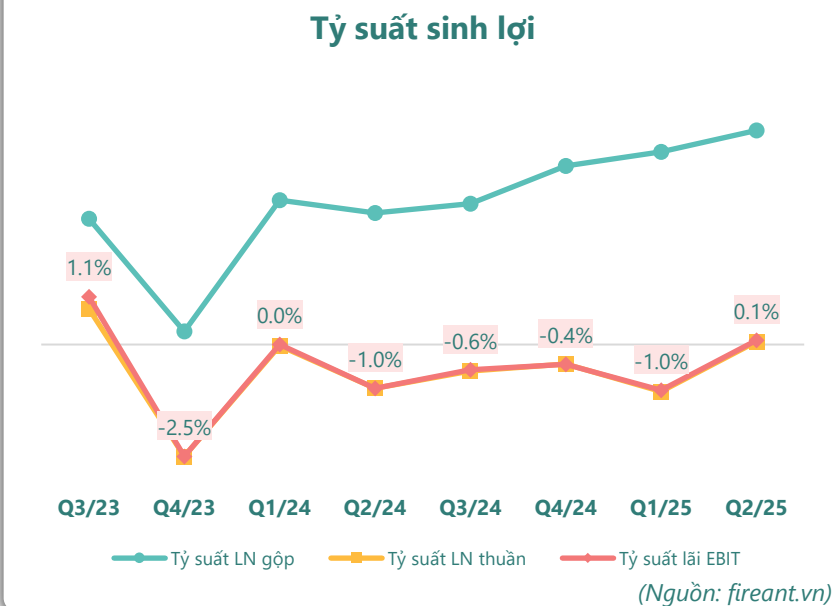
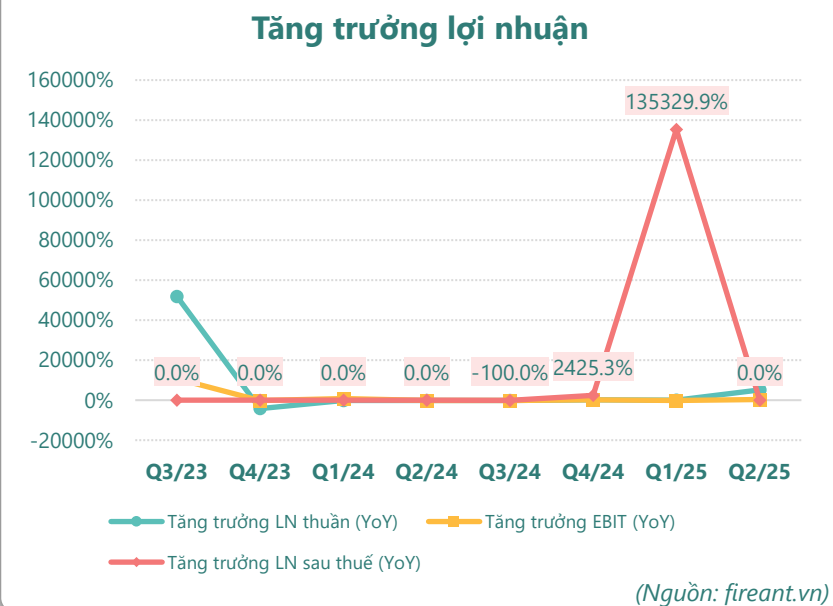
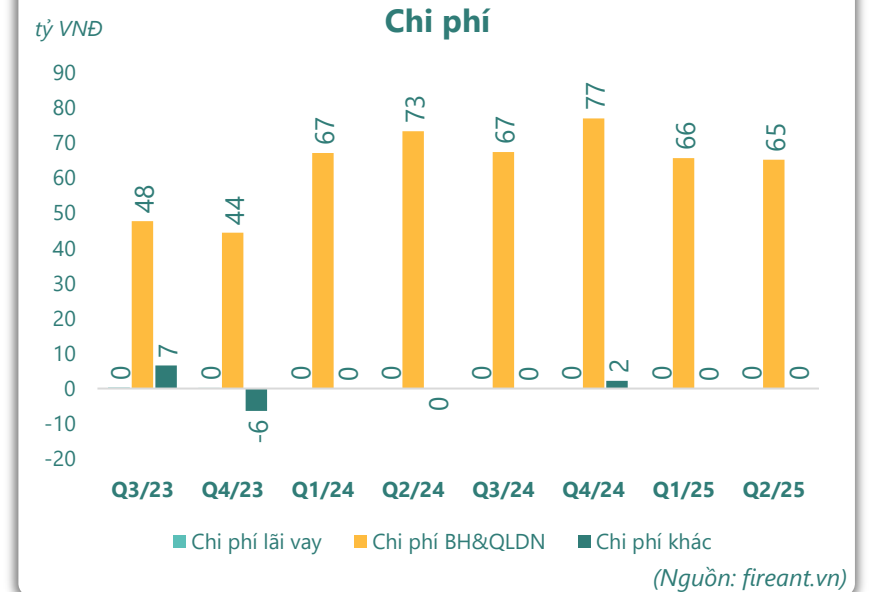
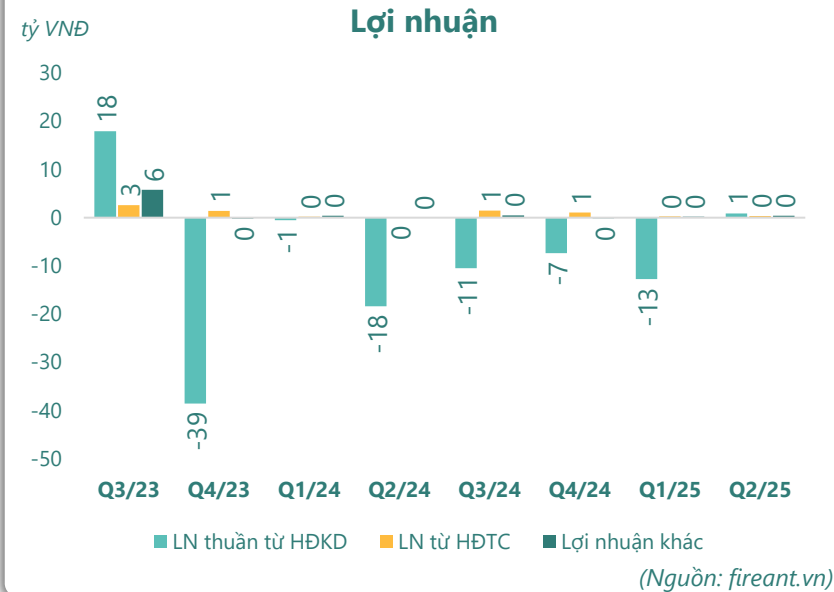
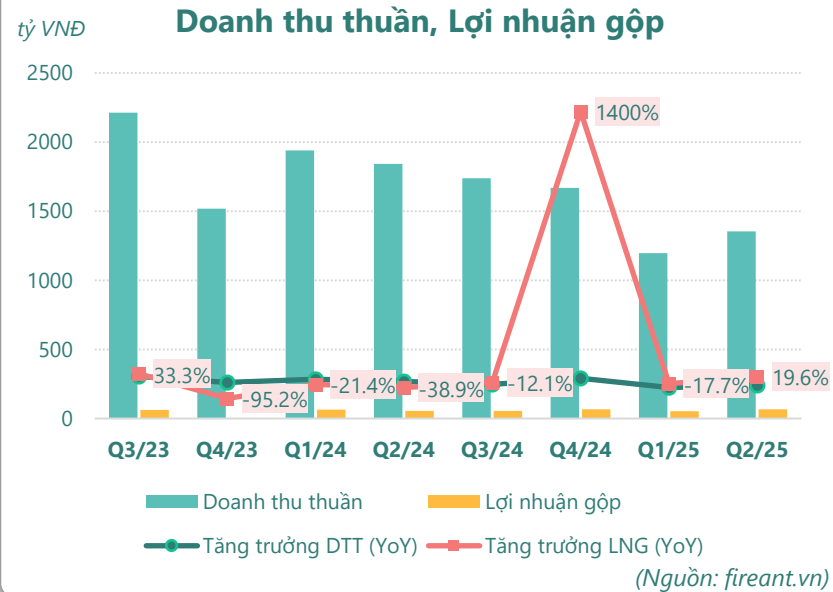
DT thuần 6T 2025
2,551
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,233 -32.6%

LN thuần 6T 2025
-11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.10 37.3%

LN sau thuế 6T 2025
-11.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.10 38.9%



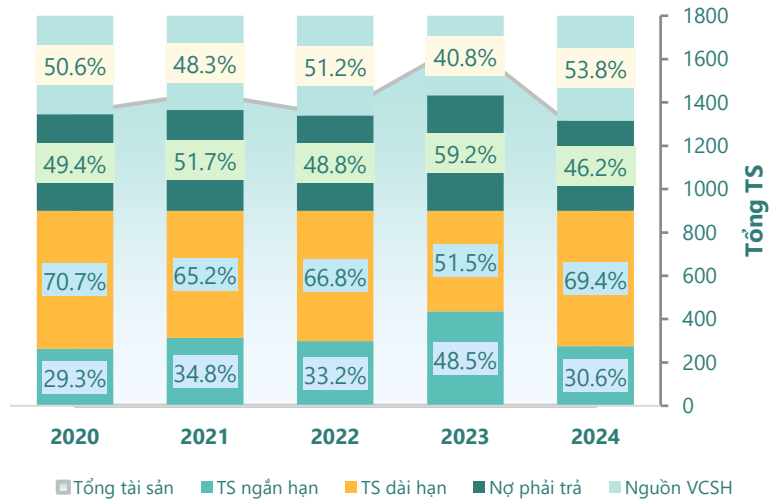
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

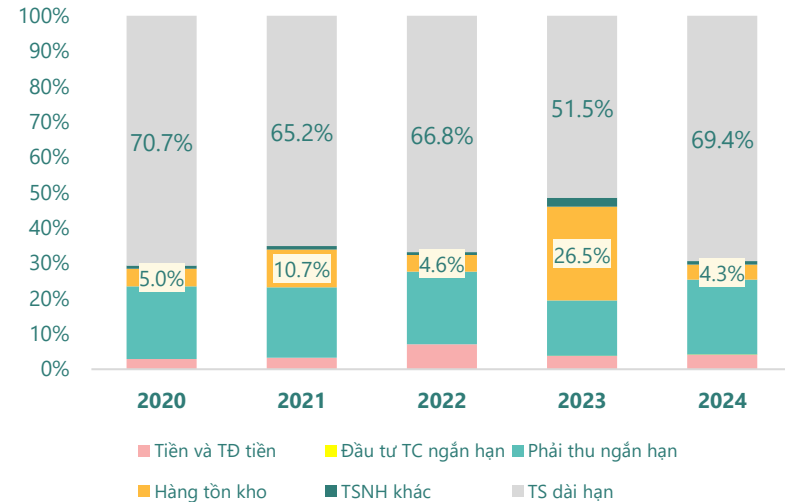
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

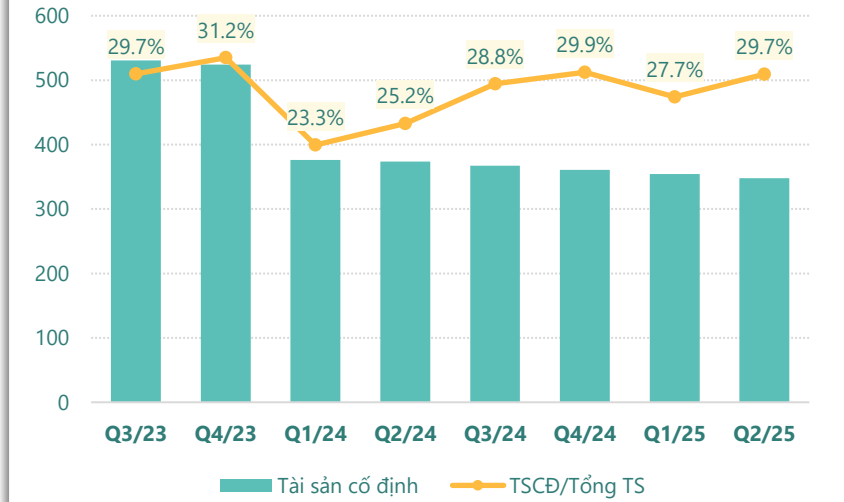
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

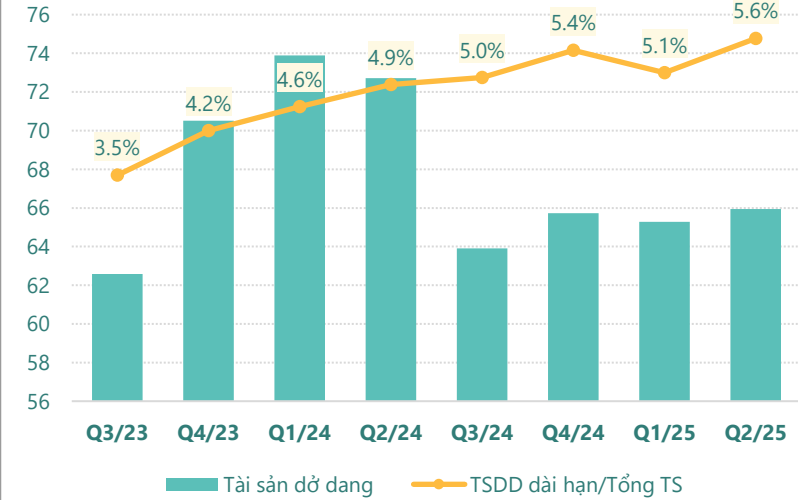
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

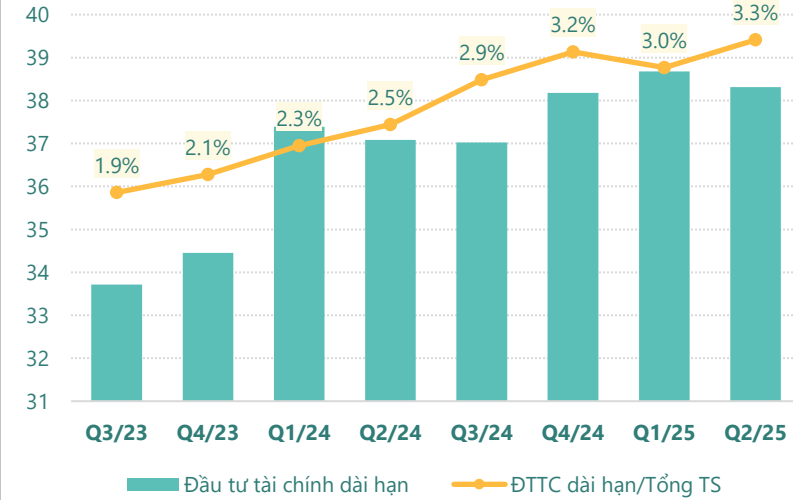
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

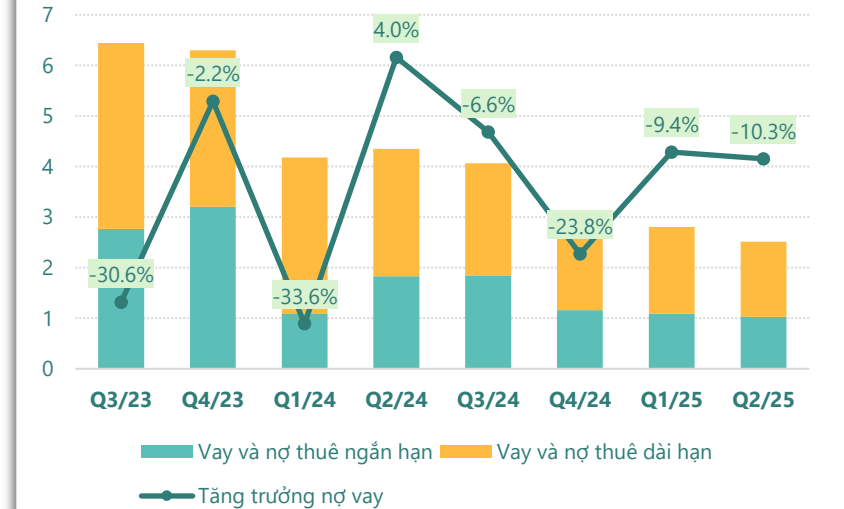
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

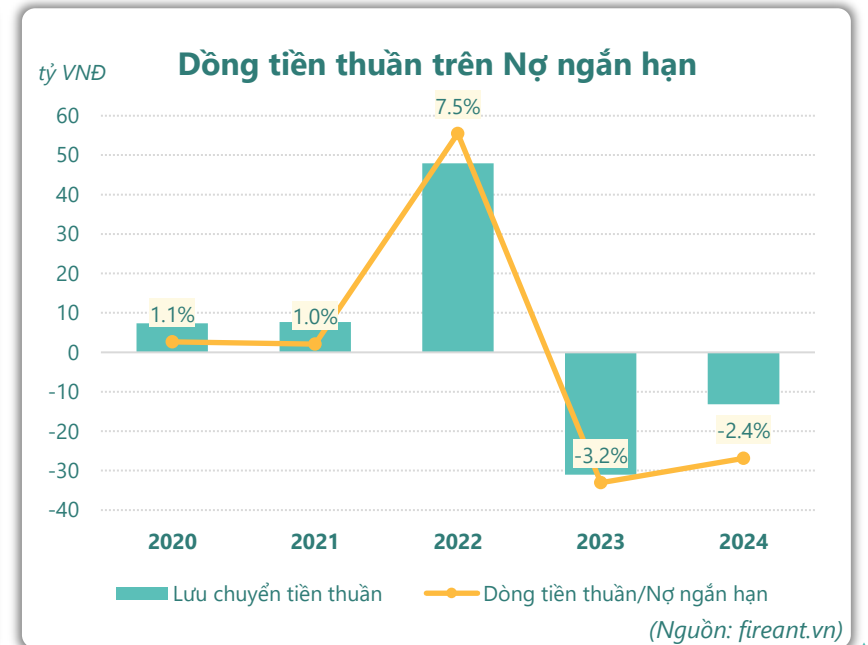
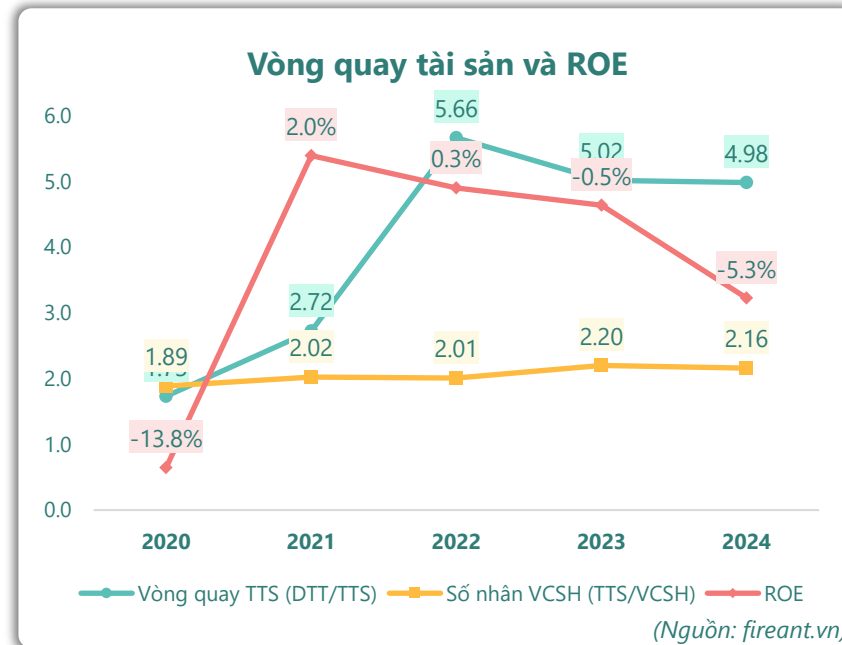
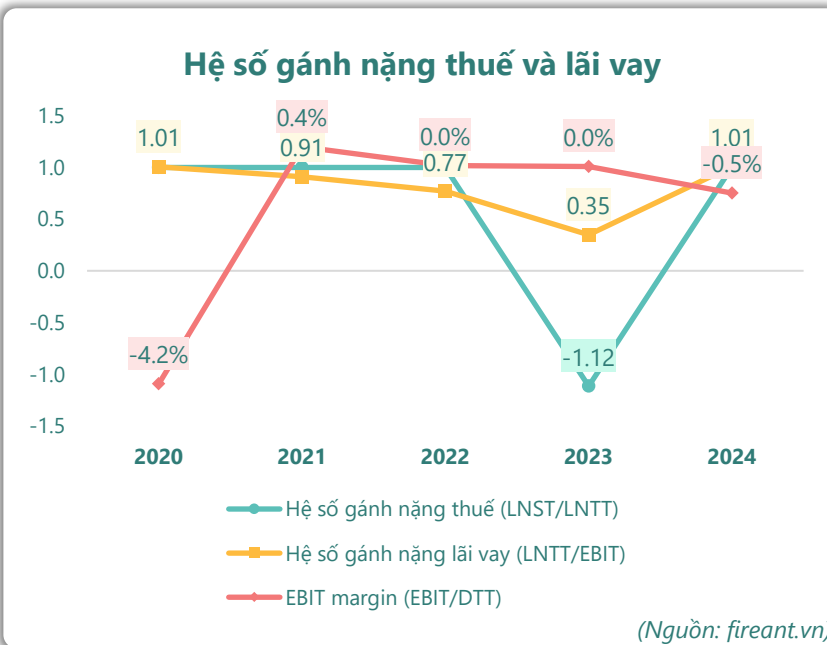
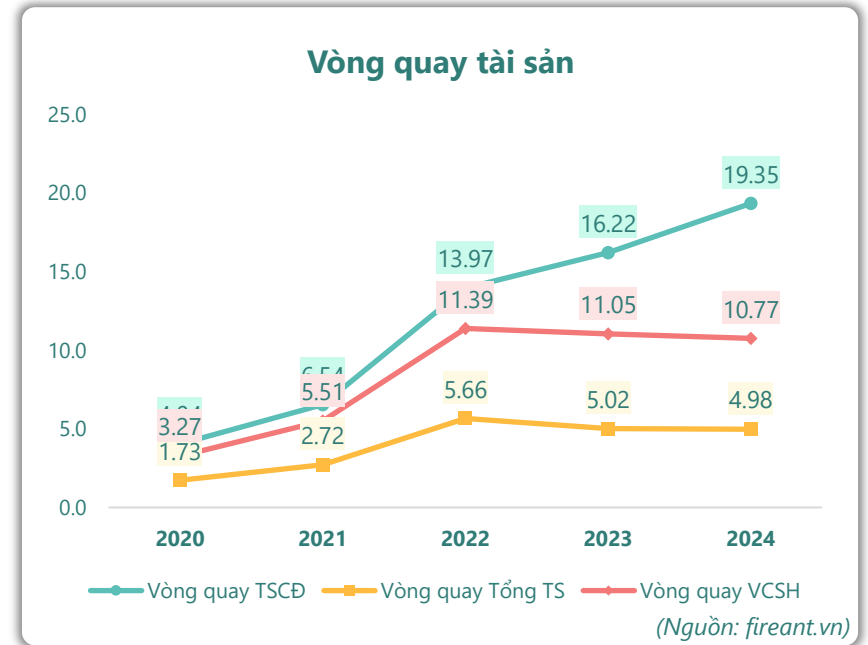
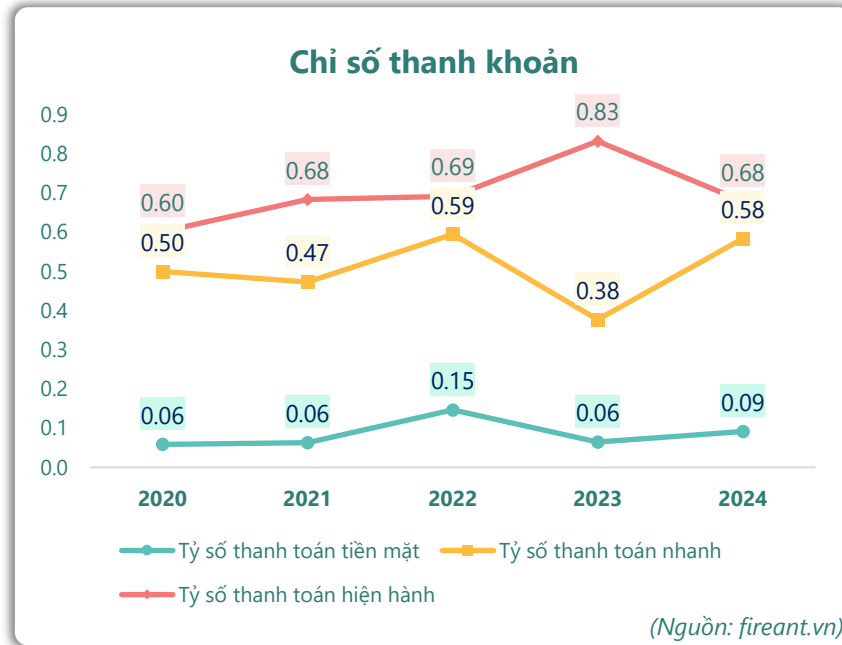
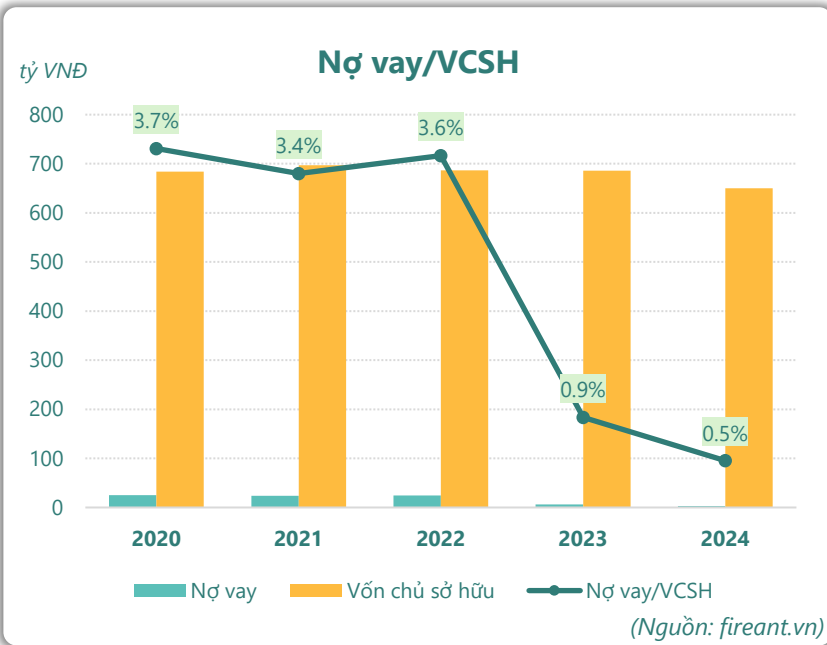
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,355	1,844	-26.5%	2,551	3,784	-32.6%
Giá vốn hàng bán	1,290	1,788	-27.9%	2,433	3,665	-33.6%
Lợi nhuận gộp	65.9	55.1	19.5%	118	119	-0.4%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.32	120%	1.01	0.62	61.5%
Chi phí TC	0.40	0.37	7.0%	0.46	0.49	-6.0%
Chi phí lãi vay	0.06	0.09	-36.7%	0.12	0.18	-34.5%
LN trong công ty LKLD	-0.03	-0.03	12.4%	0.47	2.90	-83.7%
Chi phí bán hàng	52.1	63.1	-17.4%	108	121	-10.2%
Chi phí QLDN	13.1	10.3	27.6%	22.7	20.0	13.7%
LN thuần từ HĐKD	0.88	-18.4	105%	-11.8	-18.9	37.3%
Lợi nhuận khác	0.39	0.02	1854%	0.63	0.44	40.6%
LN trước thuế	1.27	-18.3	107%	-11.2	-18.4	39.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.27	-18.3	107%	-11.3	-18.4	38.9%
LNST của CĐ cty mẹ	1.30	-18.3	107%	-11.2	-18.4	39.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.75	0.63	-1.22	-12.4	15.2	-0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.52	-5.93	1.21	0.45	-4.39	3.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.12	0.17	-0.29	-0.97	-0.29	-0.29
Tiền đầu kỳ	63.2	68.4	63.2	62.9	50.0	60.5
Lưu chuyển tiền thuần	5.15	-5.14	-0.30	-12.9	10.5	3.45
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	68.4	63.2	62.9	50.0	60.5	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,171	1,207	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	358	369	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	64.0	50.0	27.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.41	-100%
Phải thu ngắn hạn	259	255	1.6%
Hàng tồn kho	22.8	51.4	-55.5%
Tài sản ngắn hạn khác	11.8	12.3	-4.1%
Tài sản dài hạn	813	838	-2.9%
Phải thu dài hạn	2.52	2.50	0.7%
Tài sản cố định	348	361	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.9	65.7	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.3	38.2	0.4%
Tài sản dài hạn khác	359	371	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	533	557	-4.5%
Nợ ngắn hạn	519	544	-4.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.03	1.13	-8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	442	455	-2.8%
Nợ dài hạn	13.8	13.0	6.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.49	1.97	-24.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	639	650	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	639	650	-1.7%
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

